

QUY ĐỊNH
về công tác quy hoạch cán bộ

- Căn cứ Điều lệ Đảng và Quy định thi hành Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy định số 50-QĐ/TW, ngày 27/12/2021 của Bộ Chính trị về công tác quy hoạch cán bộ; Hướng dẫn số 16-HD/BTCTW, ngày 15/02/2022 của Ban Tổ chức Trung ương một số nội dung cụ thể về công tác quy hoạch cán bộ;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy khóa XIV, nhiệm kỳ 2020-2025; Quy định số 10-QĐi/TU, ngày 20/4/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử;

Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định về công tác quy hoạch cán bộ như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về nguyên tắc, mục đích, yêu cầu, đối tượng, nhiệm kỳ, hiệu lực, thẩm quyền, trách nhiệm, phương pháp, tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi, cơ cấu, số lượng, quy trình, quản lý và công khai trong công tác quy hoạch cán bộ.

2. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở.

Điều 2. Nguyên tắc

1. Bảo đảm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ; thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm chặt chẽ, đồng bộ, liên thông, công khai, minh bạch trong công tác quy hoạch cán bộ.

2. Đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền trên cơ sở nêu cao trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, người đứng đầu, đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát trong công tác quy hoạch cán bộ.

3. Coi trọng chất lượng, không vì số lượng, cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn, bảo đảm cân đối, hài hoà, hợp lý, liên thông giữa các khâu trong công tác cán bộ; giữa quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng; giữa đánh giá với quy hoạch, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm và sử dụng cán bộ; giữa cán bộ quy hoạch với cán bộ đương nhiệm; giữa nguồn cán bộ ở tỉnh với các huyện, thành phố và các lĩnh

vực công tác; giữa nguồn cán bộ tại chỗ với nguồn cán bộ từ nơi khác. Phân đầu quy hoạch theo cơ cấu ba độ tuổi (khoảng cách giữa các độ tuổi là 5 năm), tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số phù hợp với địa bàn, lĩnh vực công tác.

4. Quy hoạch cấp uỷ các cấp phải gắn với quy hoạch lãnh đạo, quản lý; lấy quy hoạch các chức danh cấp uỷ làm cơ sở để quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý; quy hoạch cấp dưới làm cơ sở cho quy hoạch cấp trên; bảo đảm sự liên thông, gắn kết chặt chẽ quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các địa phương, cơ quan, đơn vị với quy hoạch Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và các chức danh lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh.

5. Chỉ quy hoạch chức danh cao hơn, mỗi chức danh lãnh đạo, quản lý quy hoạch không quá ba cán bộ, một cán bộ quy hoạch không quá ba chức danh ở cùng cấp phê duyệt quy hoạch. Không thực hiện quy hoạch đồng thời với việc đề xuất bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử. Việc thực hiện quy trình bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào chức danh quy hoạch, chỉ được thực hiện sau khi phê duyệt quy hoạch ít nhất 3 tháng.

Điều 3. Mục đích, yêu cầu

1. Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch cán bộ; bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ, chủ động xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với nhân dân.

2. Quy hoạch cán bộ là khâu quan trọng, nhiệm vụ thường xuyên nhằm phát hiện sớm nguồn cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, có triển vọng phát triển để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bổ nhiệm, tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

3. Việc xác định tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng, chức danh quy hoạch, dự báo nhu cầu sử dụng cán bộ phải xuất phát từ tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị trong từng nhiệm kỳ và định hướng nhiệm kỳ kế tiếp.

4. Rà soát, đánh giá toàn diện nguồn cán bộ trước khi đưa vào danh sách giới thiệu nhân sự quy hoạch; bảo đảm chặt chẽ, dân chủ, khách quan, công bằng, công tâm, công khai, minh bạch, đúng quy trình, thẩm quyền. Không đề xuất, phê duyệt quy hoạch những trường hợp không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện. Đánh giá cán bộ theo các tiêu chí sau:

- Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật và việc thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

- Năng lực công tác: Kết quả, hiệu quả công việc; mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

- Uy tín: Kết quả đánh giá cán bộ hằng năm của cấp có thẩm quyền và kết quả lấy phiếu tín nhiệm theo quy định (nếu có).

- Chiều hướng, triển vọng phát triển: Khả năng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ theo chức danh quy hoạch.

5. Thực hiện phương châm quy hoạch “động” và “mở”. Hằng năm đánh giá, rà soát để kịp thời đưa ra khỏi quy hoạch những cán bộ không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bổ sung vào quy hoạch những nhân tố mới từ nguồn nhân sự tại chỗ hoặc nguồn nhân sự từ nơi khác đủ tiêu chuẩn, điều kiện, có triển vọng phát triển.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Chức danh, đối tượng, nhiệm kỳ, hiệu lực quy hoạch

1. Chức danh quy hoạch

Các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, gồm:

- Các chức danh thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý: Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh.

- Các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý:

+ Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; cấp trưởng, cấp phó các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và tương đương; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

+ Bí thư, phó bí thư các đảng bộ trực thuộc tỉnh; ủy viên ban thường vụ huyện ủy, thành ủy; chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân; chủ tịch, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

- Các chức danh thuộc diện các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý.

2. Đối tượng quy hoạch

Đối tượng quy hoạch cấp ủy, lãnh đạo, quản lý gồm 2 đối tượng, cụ thể:

- Đối tượng 1, đối tượng 2 của các chức danh Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy; Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện theo Quy định số 50-QĐ/TW của Bộ Chính trị.

- Đối tượng 1, đối tượng 2 của các chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh thực hiện như đối với chức danh Phó Bí thư Tỉnh ủy theo Quy định số 50-QĐ/TW của Bộ Chính trị.

- Đối tượng 1, đối tượng 2 của các chức danh Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh và các chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thực hiện theo Phụ lục 1A.

- Đối tượng 1, đối tượng 2 của các chức danh ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành đảng bộ huyện, thành phố và các đảng bộ trực thuộc tỉnh thực hiện theo Phụ lục 1B.

- Đối tượng 1, đối tượng 2 của các chức danh khác theo phân cấp quản lý cán bộ, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh căn cứ vào Phụ lục 1A, 1B để xác định cụ thể đối tượng của các chức danh quy hoạch theo quy định.

3. Nhiệm kỳ quy hoạch

Quy hoạch cho một nhiệm kỳ và định hướng cho nhiệm kỳ kế tiếp.

4. Hiệu lực quy hoạch

Quy hoạch cán bộ có hiệu lực từ ngày cấp có thẩm quyền ký, ban hành quyết định phê duyệt. Quy hoạch hết hiệu lực khi cán bộ được bổ nhiệm vào chức danh quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch hoặc kết thúc nhiệm kỳ theo quy định của chức danh quy hoạch.

Điều 5. Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy trình Bộ Chính trị, Ban Tổ chức Trung ương phê duyệt quy hoạch các chức danh diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

2. Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh theo phân cấp quản lý cán bộ của tỉnh, gồm:

- Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; cấp trưởng, cấp phó các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và tương đương; cấp trưởng các ban QLDA đầu tư xây dựng chuyên ngành tỉnh; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

- Bí thư, phó bí thư các đảng bộ trực thuộc tỉnh; ủy viên ban thường vụ huyện ủy, thành ủy; chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân; chủ tịch, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

- Tham gia ý kiến quy hoạch cấp trưởng, cấp phó các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

3. Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh cấp ủy, lãnh đạo quản lý thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo

Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch các chức danh: Cấp trưởng, cấp phó Trung tâm Hành chính - Chính trị tỉnh; cấp phó các ban QLDA đầu tư xây dựng chuyên ngành tỉnh; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 6. Trách nhiệm trong công tác quy hoạch

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị

- Lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hoá và tổ chức thực hiện các chủ trương, quy định của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ tại địa phương, cơ quan, đơn vị; xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện, xác định đối tượng cụ thể đối với các chức danh do cấp mình quản lý và tham gia xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện các chức danh khác khi được yêu cầu.

- Thực hiện quy trình nhân sự, kết luận về tiêu chuẩn chính trị, nhận xét, đánh giá và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý của địa phương, cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của cấp trên; phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý của cấp mình theo phân cấp quản lý cán bộ; báo cáo cấp trên trực tiếp kết quả phê duyệt quy hoạch các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của cấp mình.

- Căn cứ quy hoạch được phê duyệt để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ gắn với chức danh quy hoạch theo quy định. Kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong công tác quy hoạch cán bộ theo thẩm quyền.

- Các cơ quan, đơn vị ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ căn cứ quy định của Trung ương, quy định, hướng dẫn của ngành dọc cấp trên và Quy định của tỉnh để thực hiện công tác quy hoạch theo phân cấp quản lý cán bộ.

2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy

- Tham mưu cụ thể hóa các chủ trương, quy định của Trung ương về công tác quy hoạch cán bộ; giúp Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ theo quy định.

- Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

+ Ban hành Kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo công tác quy hoạch cán bộ.

+ Thực hiện quy trình nhân sự, trình Bộ Chính trị, Ban Tổ chức Trung ương xem xét, phê duyệt quy hoạch các chức danh diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

+ Quyết định quy hoạch các chức danh Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ

tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý theo phân cấp; cho ý kiến quy hoạch cấp trưởng, cấp phó các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu sơ kết, tổng kết; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác quy hoạch cán bộ ở các địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Chủ trì, phối hợp với các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trao đổi, cung cấp thông tin, giới thiệu nhân sự từ nơi khác (khi cần thiết hoặc theo yêu cầu) để các địa phương, cơ quan, đơn vị nghiên cứu, xem xét, bổ sung quy hoạch theo thẩm quyền.

3. Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy và các cơ quan có liên quan

- Thẩm định, thẩm tra, cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin liên quan đến nhân sự quy hoạch theo yêu cầu.

- Thực hiện nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy.

Điều 7. Phương pháp, thời điểm quy hoạch

1. Xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp được thực hiện một lần vào năm thứ hai nhiệm kỳ hiện tại của đại hội đảng bộ các cấp, đại hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

2. Hằng năm tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch của nhiệm kỳ hiện tại và nhiệm kỳ kế tiếp trong quý I. Các địa phương, cơ quan, đơn vị trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) phê duyệt các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, trình Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) phê duyệt đối với các chức danh thuộc thẩm quyền của Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 15/3; báo cáo kết quả phê duyệt quy hoạch trước ngày 30/4 (riêng năm 2022 thực hiện theo Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy). Trường hợp rà soát, bổ sung quy hoạch lần 2 trong năm phải báo cáo ít nhất sau 30 ngày kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt quy hoạch.

Đối với tổ chức hội, đoàn thể nhân dân khác được Đảng, Nhà nước giao biên chế, việc xây dựng quy hoạch đầu nhiệm kỳ và rà soát, bổ sung hằng năm cũng thực hiện tương tự như Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Điều 8. Tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi

1. Về tiêu chuẩn, điều kiện

1.1. Tiêu chuẩn đối với cán bộ quy hoạch cơ bản thực hiện như tiêu chuẩn bổ nhiệm đối với chức danh theo quy định hiện hành.

1.2. Tại thời điểm xem xét, phê duyệt quy hoạch, nhân sự phải cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- Trình độ chuyên môn: Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tương ứng với chức danh bổ nhiệm.

- Trình độ lý luận chính trị:

+ Cán bộ quy hoạch các chức danh diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; quy hoạch các chức danh Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh: Phải đáp ứng tiêu chuẩn lý luận chính trị tương ứng của chức danh bổ nhiệm.

+ Cán bộ được quy hoạch các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý còn lại: Đối tượng 1 phải đáp ứng tiêu chuẩn lý luận chính trị tương ứng của chức danh bổ nhiệm; đối tượng 2 có thể chưa bảo đảm tiêu chuẩn lý luận chính trị nhưng sau khi được quy hoạch phải có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để hoàn thiện tiêu chuẩn lý luận chính trị theo quy định.

+ Cán bộ được quy hoạch các chức danh còn lại do các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị quy định cụ thể theo phân cấp quản lý cán bộ.

- Chưa nhất thiết phải đáp ứng ngay các tiêu chuẩn: Kinh qua chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp dưới, trình độ quản lý nhà nước, tin học, ngoại ngữ...

1.3. Năng lực công tác: Ở thời điểm quy hoạch hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

2. Về độ tuổi, phương pháp tính tuổi

- Cán bộ được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 02 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất phải trọn 01 nhiệm kỳ kế tiếp đó (60 tháng). Khi rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, cán bộ đưa vào quy hoạch phải còn đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

- Tuổi quy hoạch được xác định theo tinh thần Kết luận số 08-KL/TW, ngày 15/6/2021 của Bộ Chính trị về tuổi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử và Hướng dẫn số 06-HD/BTCTW, ngày 26/7/2021 của Ban Tổ chức Trung ương, cụ thể như sau:

+ Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp bằng tuổi nghỉ hưu thực tế của cán bộ theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP, ngày 18/11/2020 của Chính phủ trừ đi tuổi

của cán bộ tại thời điểm tính tuổi theo quy định phải còn ít nhất 01 nhiệm kỳ công tác (60 tháng) đối với đối tượng 1 và còn ít nhất 02 nhiệm kỳ (120 tháng) đối với đối tượng 2.

+ Tuổi rà soát, bổ sung quy hoạch cho nhiệm kỳ hiện tại bằng tuổi nghỉ hưu thực tế của cán bộ theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP, ngày 18/11/2020 của Chính phủ trừ đi tuổi của cán bộ tại thời điểm rà soát, bổ sung quy hoạch phải còn ít nhất 72 tháng đối với đối tượng 1 và còn ít nhất 02 nhiệm kỳ (120 tháng) đối với đối tượng 2.

- Đối với cán bộ nữ thuộc đối tượng được nghỉ hưu ở độ tuổi cao hơn theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thì tuổi quy hoạch được xác định theo độ tuổi được quy định và thực hiện như phương pháp nêu trên.

- Đối với chức danh chủ tịch, phó chủ tịch hội cựu chiến binh cấp tỉnh, cấp huyện: Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp bằng tuổi công tác tối đa tham gia công tác hội (70 tuổi) trừ đi tuổi của cán bộ tại thời điểm quy hoạch phải còn ít nhất 01 nhiệm kỳ.

- Xác định độ tuổi cụ thể đối với các chức danh quy hoạch thực hiện theo Phụ lục 2.

3. Thời điểm tính tuổi quy hoạch

- Đối với quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp: Chức danh cấp ủy, lãnh đạo cấp ủy, các ban, cơ quan của Đảng, ủy ban kiểm tra là thời điểm tiến hành đại hội đảng bộ các cấp; chức danh lãnh đạo, quản lý các cơ quan nhà nước là thời điểm bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội là thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức, cụ thể:

+ Đối với các chức danh lãnh đạo cấp ủy nhiệm kỳ 2025-2030: Cấp xã tháng 4/2025, cấp huyện tháng 6/2025, cấp tỉnh tháng 9/2025.

+ Đối với các chức danh lãnh đạo các cơ quan Nhà nước nhiệm kỳ 2026-2031: Tháng 5/2026.

+ Đối với các chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của nhiệm kỳ kế tiếp được xác định theo thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức nhiệm kỳ hiện tại cộng với 5 năm (60 tháng).

- Đối với rà soát, bổ sung quy hoạch: Là thời điểm cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ có thẩm quyền (Ban Tổ chức Tỉnh ủy đối với trường hợp các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; Sở Nội vụ đối với các chức danh thuộc thẩm quyền của Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; ban tổ chức cấp ủy cấp huyện, phòng tổ chức cán bộ các sở, ban, ngành... đối với trường hợp khác) nhận được tờ trình và hồ sơ nhân sự theo quy định.

Điều 9. Hệ số, số lượng và cơ cấu

1. Về hệ số, số lượng

- Hệ số quy hoạch cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp từ 1,0 - 1,5 lần so với số lượng theo quy định.

- Số lượng của chức danh quy hoạch lãnh đạo, quản lý:

+ Một chức danh lãnh đạo, quản lý quy hoạch không quá 03 cán bộ.

+ Một cán bộ quy hoạch không quá ba chức danh ở cùng một cấp phê duyệt quy hoạch (không bao gồm ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra các cấp).

2. Về cơ cấu

Phân đầu cơ cấu, tỷ lệ quy hoạch cấp ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý theo hướng:

- Quy hoạch ban chấp hành, ban thường vụ thực hiện cơ cấu 3 độ tuổi: Cán bộ trẻ cấp tỉnh, cấp huyện (dưới 40 tuổi) từ 15% trở lên, cấp xã (dưới 35 tuổi) từ 10% trở lên; từ 40 đến dưới 50 tuổi khoảng 55-65%; trên 50 tuổi khoảng 20-30%.

- Quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý phải có cán bộ trẻ.

- Cơ cấu nữ:

+ Quy hoạch cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện: Từ 25% trở lên; cấp xã: Phân đầu từ 15% trở lên.

+ Quy hoạch Ban Thường vụ cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện: Từ 15% trở lên.

+ Quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý phải có cán bộ nữ.

- Cơ cấu dân tộc:

+ Quy hoạch cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện có 40% trở lên là người dân tộc thiểu số; cấp ủy cấp xã cơ bản tương xứng với cơ cấu dân tộc của từng địa phương.

+ Quy hoạch Ban Thường vụ Tỉnh ủy từ 50% trở lên; ban thường vụ cấp ủy cấp huyện từ 40% trở lên.

+ Quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý phải có cán bộ người dân tộc thiểu số.

- Cơ cấu ngành nghề: Theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội, công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, đặc điểm của từng địa phương, cơ quan, đơn vị.

Điều 10. Quy trình và hồ sơ nhân sự quy hoạch

1. Quy trình quy hoạch

Quy trình quy hoạch gồm: (1) Xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp vào năm thứ hai của nhiệm kỳ đại hội từ nguồn nhân sự tại chỗ. (2) Hằng năm rà soát, bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự tại chỗ hoặc từ nguồn nhân sự ở nơi khác.

1.1. Quy trình nhân sự quy hoạch các chức danh cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý: Thực hiện theo Quy định số 50-QĐ/TW của Bộ Chính trị.

1.2. Quy trình nhân sự quy hoạch các chức danh Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh: Thực hiện như đối với các chức danh cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý theo Quy định số 50-QĐ/TW của Bộ Chính trị.

1.3. Quy trình nhân sự quy hoạch các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

1.3.1. Quy trình xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp từ nguồn nhân sự tại chỗ

Bước 1: Xây dựng kế hoạch triển khai và chuẩn bị nguồn cán bộ dự kiến phát hiện, giới thiệu quy hoạch.

Căn cứ Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ và cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ và yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị; các ban cán sự đảng, đảng đoàn, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; ban thường vụ các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc, chỉ đạo cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ thực hiện các công việc sau: (1) Xây dựng kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ của địa phương, cơ quan, đơn vị mình. (2) Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ để dự kiến danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

Bước 2: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1).

Trên cơ sở báo cáo của cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo thảo luận, phân tích và thông qua: (1) Kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ của địa phương, cơ quan, đơn vị. (2) Danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để trình các hội nghị xem xét, phát hiện, giới thiệu quy hoạch.

- Thành phần:

+ Đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: Ban cán sự đảng, đảng đoàn (nơi có ban cán sự đảng, đảng đoàn); Ban Thường vụ Tỉnh đoàn; tập thể lãnh đạo các sở, ban, ngành và tương đương.

+ Đối với các đảng bộ trực thuộc tỉnh: Ban thường vụ các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh.

Bước 3: Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến phát hiện, giới thiệu nguồn quy hoạch (bằng phiếu kín).

- Thành phần:

+ Đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: Ban cán sự đảng, đảng đoàn (nơi có ban cán sự đảng, đảng đoàn); Ban Thường vụ Tỉnh đoàn; tập thể lãnh đạo các sở, ban, ngành và tương đương; trưởng, phó phòng, ban, đơn vị trực thuộc; cấp ủy cơ sở; chủ tịch công đoàn, bí thư đoàn thanh niên.

+ Đối với các đảng bộ trực thuộc tỉnh: Ban chấp hành đảng bộ các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh; cấp trưởng các phòng, ban, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện và tương đương; bí thư, phó bí thư, chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 4: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng.

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 3, tập thể lãnh đạo mở rộng tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

- Thành phần:

+ Đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: Ban cán sự đảng, đảng đoàn (nơi có ban cán sự đảng, đảng đoàn); Ban Thường vụ Tỉnh đoàn; tập thể lãnh đạo các sở, ban, ngành và tương đương; trưởng phòng, ban, đơn vị trực thuộc; cấp ủy cơ sở.

+ Đối với các đảng bộ trực thuộc tỉnh: Ban chấp hành đảng bộ.

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 5: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2)

- Căn cứ vào cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; đồng thời, trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương,

ơ quan, đơn vị và kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 3 và bước 4, tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

- Trường hợp có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

1.3.2. Quy trình bổ sung quy hoạch hằng năm

a. Quy trình đối với nguồn nhân sự tại chỗ

Căn cứ vào kết quả đánh giá cán bộ hằng năm của cấp có thẩm quyền và đề xuất của cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo chỉ đạo rà soát, bổ sung quy hoạch theo các bước sau:

Bước 1: Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1) xem xét, thông qua danh sách bổ sung quy hoạch để lấy ý kiến tại các hội nghị và bỏ phiếu đưa ra khỏi quy hoạch đối với những trường hợp không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

Nguyên tắc đưa ra khỏi quy hoạch: Những đồng chí có trên 50% tổng số người được triệu tập đồng ý thì đề xuất đưa ra khỏi quy hoạch.

Bước 2: Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến phát hiện, giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 3: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng.

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, tập thể lãnh đạo mở rộng tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 4: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2).

Căn cứ vào cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; đồng thời, trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị và kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2 và bước 3, tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

b. Quy trình đối với nguồn nhân sự từ nơi khác

Bước 1: Chuẩn bị và xác định nguồn quy hoạch.

Căn cứ cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; đồng thời, trên cơ sở kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, chỉ đạo cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ thực hiện các công việc sau: (1) Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ tại chỗ (trong quy hoạch và ngoài quy hoạch); trong đó, phân tích và xác định rõ cơ cấu, số lượng, chuyên ngành đào tạo, chức danh quy hoạch mà địa phương, cơ quan, đơn vị hiện còn thiếu nguồn nhân sự hoặc có nhưng chưa đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu đặt ra cần giới thiệu bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự từ nơi khác. (2) Nghiên cứu, đề xuất danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

Bước 2: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1).

Trên cơ sở báo cáo của cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo thảo luận, phân tích, xác định cơ cấu, số lượng chức danh quy hoạch; đồng thời, thông qua danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác.

Bước 3: Trao đổi với nhân sự và lấy ý kiến tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác.

Đại diện tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị gặp gỡ, trao đổi với nhân sự dự kiến giới thiệu quy hoạch; đồng thời, có văn bản lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác về dự kiến chức danh quy hoạch; nhận xét, đánh giá đối với cán bộ và cung cấp hồ sơ nhân sự theo quy định.

Bước 4: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2).

Tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

1.4. Đối với các chức danh khác theo phân cấp quản lý cán bộ: Các cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ quy trình quy hoạch các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý để quy định cụ thể cho phù hợp.

1.5. Một số điểm lưu ý trong thực hiện quy trình quy hoạch

- Các hội nghị xây dựng quy hoạch và bổ sung quy hoạch cán bộ hằng năm chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt.

- Thành phần hội nghị ở các bước trong quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch tương tự như thành phần hội nghị ở các bước trong quy trình xây dựng quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp.

- Kết quả biểu quyết giới thiệu tại bước 5 (xây dựng quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp) và ở bước 4 (rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm) được công bố tại hội nghị tập thể lãnh đạo. Đối với kết quả kiểm phiếu phát hiện, giới thiệu ở các bước còn lại không công bố tại hội nghị tương ứng.

2. Hồ sơ nhân sự quy hoạch: Thực hiện theo Phụ lục 3.

Điều 11. Thời gian thẩm định, phê duyệt quy hoạch

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được tờ trình, hồ sơ nhân sự, cấp có thẩm quyền phải xem xét, phê duyệt quy hoạch theo thẩm quyền. Trường hợp cần thiết, cấp có thẩm quyền có thể kéo dài thời gian nhưng không được quá 15 ngày làm việc.

Điều 12. Công khai, quản lý và sử dụng quy hoạch

1. Công khai quy hoạch

Danh sách cán bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch được thông báo công khai trong cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo và người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, quản lý, sử dụng quy hoạch.

2. Quản lý và sử dụng quy hoạch

- Sau 30 ngày kể từ khi phê duyệt quy hoạch, các cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị báo cáo cấp trên trực tiếp kết quả phê duyệt quy hoạch; gửi các quyết định phê duyệt quy hoạch về Ban Tổ chức Tỉnh uỷ để quản lý, theo dõi đối với các chức danh: Cấp trưởng, cấp phó Trung tâm Hành chính - Chính trị tỉnh; cấp phó các ban QLDA đầu tư xây dựng chuyên ngành tỉnh; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; ủy viên thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, ủy viên ban thường vụ các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; trưởng các phòng và tương đương thuộc các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và tương đương; ủy viên ban chấp hành đảng bộ cấp huyện.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả việc đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện, thử thách, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm cán bộ quy hoạch đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Định kỳ hằng năm đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và chiều hướng triển vọng phát triển đối với cán bộ trong quy hoạch.

Điều 13. Các trường hợp đương nhiên ra khỏi quy hoạch

- Cán bộ quá tuổi quy hoạch hoặc bị cấp có thẩm quyền thi hành kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên (đối với cá nhân) hoặc kết luận không bảo đảm tiêu chuẩn chính trị của chức danh quy hoạch, cán bộ đã từ trần thì đương nhiên ra khỏi quy hoạch; cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch ban hành quyết định đưa cán bộ đó ra khỏi quy hoạch, không phải thực hiện quy trình bỏ phiếu theo quy định.

- Đối với cán bộ bị thi hành kỷ luật, sau khi quyết định thi hành hết hiệu lực theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cấp có thẩm quyền có thể xem xét việc quy hoạch theo quy định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp

- Đối với các trường hợp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch của nhiệm kỳ 2020-2025, 2021-2026 trước thời điểm ban hành Quy định này thì quyết định quy hoạch vẫn còn giá trị.

- Đối với các trường hợp đã thực hiện xong quy trình rà soát, bổ sung, nhưng chưa phê duyệt quy hoạch thì cấp có thẩm quyền phải rà soát, đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện, số lượng, hệ số theo Quy định này và quy định của cấp mình trước khi xem xét, phê duyệt quy hoạch.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Các đảng đoàn, ban cán sự đảng, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn; các sở, ban, ngành và tương đương; các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh căn cứ Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức quán triệt, cụ thể hóa cho phù hợp với đặc điểm, tình hình và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị nhưng không được trái Quy định này; đồng thời tổ chức thực hiện công tác quy hoạch ở cấp mình và chỉ đạo, hướng dẫn cấp dưới xây dựng quy hoạch theo quy định.

2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định của Bộ Chính trị, Hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương, Quy định,

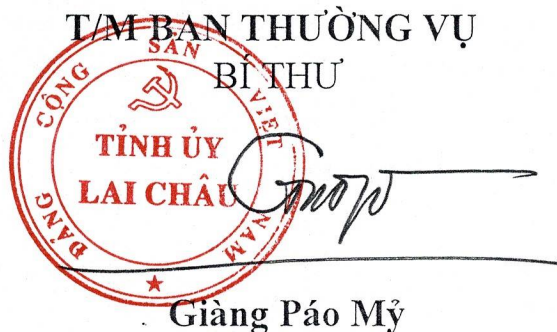
Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; định kỳ tổng hợp báo cáo Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả triển khai thực hiện.

3. Quy định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký, thay thế Quy định số 03-QĐ/TU, ngày 26/12/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc kịp thời phản ánh về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) để xem xét, giải quyết.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (báo cáo),
- Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh,
- Các sở, ban, ngành và tương đương,
- Lưu VPTU.



PHỤ LỤC 1A
ĐỐI TƯỢNG GIỚI THIỆU QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH THUỘC
DIỆN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢN LÝ

(Kèm theo Quy định số 11-QĐ/TU, ngày 28/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)



1. Quy hoạch chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh

- **Đối tượng 1:** Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh; cấp trưởng các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và tương đương; bí thư cấp ủy cấp huyện (nếu chưa tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh).

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

- **Đối tượng 2:** Cấp phó các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và tương đương; phó bí thư cấp ủy cấp huyện và tương đương, chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

2. Quy hoạch chức danh cấp trưởng các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và tương đương; bí thư huyện ủy, thành ủy, Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh

- **Đối tượng 1:** Cấp phó các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và tương đương; phó bí thư cấp ủy cấp huyện và tương đương, chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

- **Đối tượng 2:** Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; trưởng phòng và tương đương cấp tỉnh; ủy viên ban thường vụ cấp ủy cấp huyện và tương đương; phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

3. Quy hoạch chức danh cấp phó các sở, ban, ngành Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và tương đương; phó bí thư huyện ủy, thành ủy, Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh; chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- **Đối tượng 1:** Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; trưởng phòng và tương đương cấp tỉnh; ủy viên ban thường vụ cấp huyện và tương đương; phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

- **Đối tượng 2:** Ủy viên ban chấp hành đảng bộ cấp huyện và tương đương; trưởng phòng và tương đương cấp huyện (nếu chưa tham gia ban chấp hành đảng bộ cấp huyện); phó trưởng phòng và tương đương cấp tỉnh.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

4. Chức danh Ủy viên Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy

- **Đối tượng 1:** Trưởng phòng và tương đương cấp tỉnh; ủy viên ban chấp hành đảng bộ cấp huyện và tương đương.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

- **Đối tượng 2:** Phó trưởng phòng và tương đương cấp tỉnh; trưởng phòng và tương đương cấp huyện (nếu chưa tham gia ban chấp hành đảng bộ cấp huyện).

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

5. Chức danh phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- **Đối tượng 1:** Ủy viên ban chấp hành đảng bộ cấp huyện; trưởng phòng và tương đương cấp tỉnh; bí thư cấp ủy cấp xã (nếu chưa tham gia ban chấp hành đảng bộ cấp huyện).

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

- **Đối tượng 2:** Phó trưởng phòng và tương đương cấp tỉnh; cấp trưởng, cấp phó các phòng, ban, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và tương đương cấp huyện; phó bí thư; chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

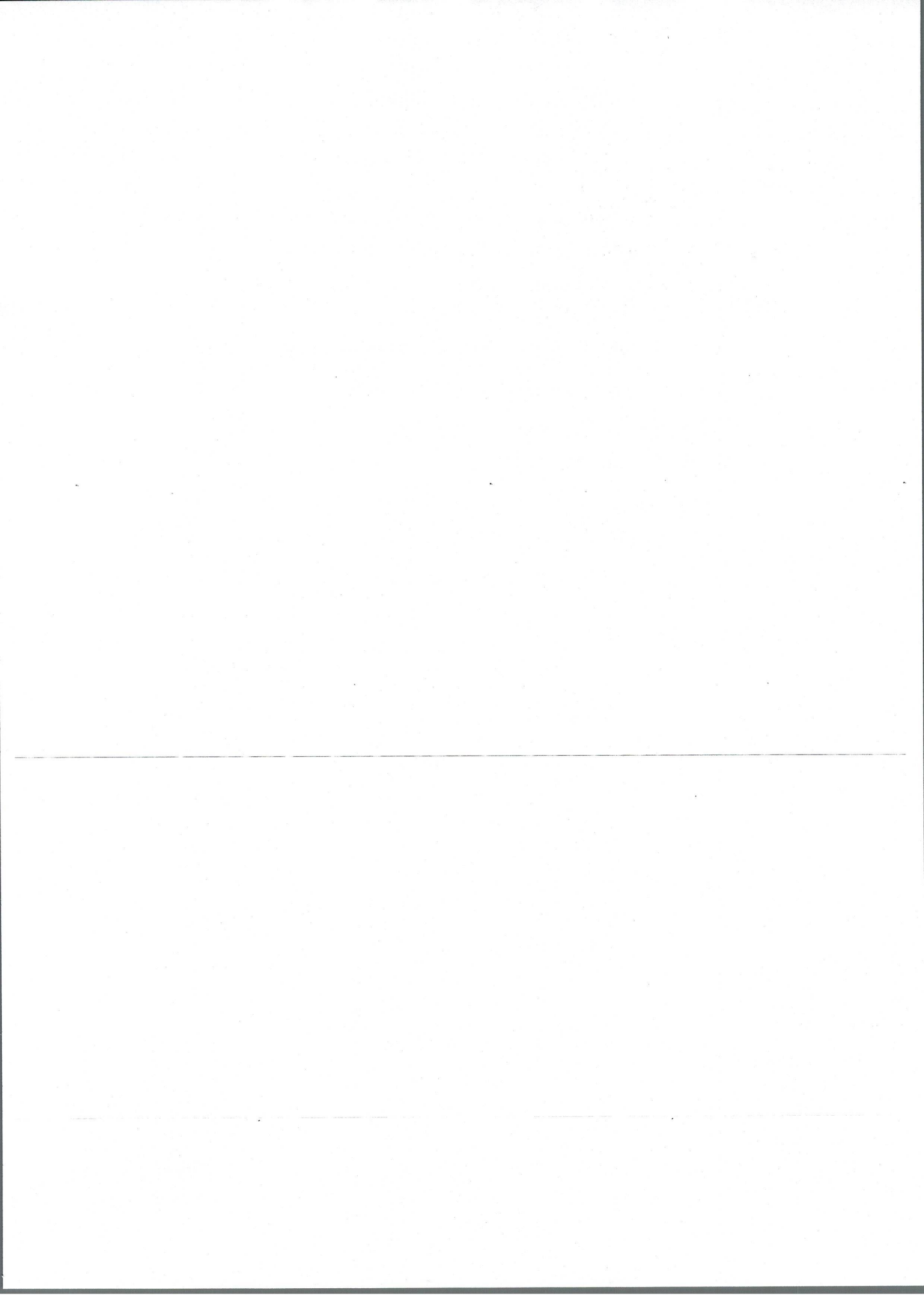
6. Quy hoạch chức danh bí thư, phó bí thư các Đảng ủy Công an tỉnh, Quân sự tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh

6.1. Chức danh bí thư (trừ Bí thư Đảng ủy Quân sự tỉnh)

- **Đối tượng 1:** Phó bí thư đảng ủy.
- **Đối tượng 2:** Ủy viên ban thường vụ.

6.2. Chức danh phó bí thư

- **Đối tượng 1:** Ủy viên ban thường vụ.
 - **Đối tượng 2:** Ủy viên ban chấp hành
-





PHỤ LỤC 1B
ĐỐI TƯỢNG GIỚI THIỆU QUY HOẠCH BAN THƯỜNG VỤ,
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ VÀ
ĐẢNG BỘ TRỰC THUỘC TỈNH

(Kèm theo Quy định số 11-QĐ/TU, ngày 28/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

1. Quy hoạch ban chấp hành, ban thường vụ các huyện ủy, thành ủy

1.1. Ban chấp hành

- **Đối tượng 1:** Cấp trưởng các phòng, ban, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và tương đương cấp huyện; bí thư các chi, đảng bộ cơ sở (nếu chưa tham gia ban chấp hành); cấp phó các phòng, ban, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và tương đương cấp huyện (được quy hoạch cấp trưởng); phó Bí thư các chi, đảng bộ cơ sở, chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (được quy hoạch bí thư).

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

Các đồng chí giữ chức vụ cấp phó các phòng, ban cấp huyện mà được xác định có cơ cấu ủy viên ban chấp hành đảng bộ cấp huyện thì không cần điều kiện phải được quy hoạch vào chức danh cấp trưởng tương ứng.

- **Đối tượng 2:** Ủy viên ủy ban kiểm tra cấp huyện; ủy viên ban thường vụ cấp ủy cấp xã; phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

1.2. Ban thường vụ

- **Đối tượng 1:** Ủy viên ban chấp hành.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

- **Đối tượng 2:** Cấp trưởng (nếu chưa tham gia ban chấp hành); cấp phó các phòng, ban, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và tương đương cấp huyện; bí thư (nếu chưa tham gia ban chấp hành), phó bí thư, chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

2. Quy hoạch ban chấp hành, ban thường vụ Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh

2.1. Ban chấp hành

- **Đối tượng 1:** Bí thư các chi, đảng bộ cơ sở (nếu chưa tham gia ban chấp hành).

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

- **Đối tượng 2:** Cấp phó các ban và tương đương thuộc đảng ủy; phó bí thư các chi, đảng bộ cơ sở; ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

2.2. Ban thường vụ

- **Đối tượng 1:** Ủy viên ban chấp hành.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

- **Đối tượng 2:** Cấp trưởng các tổ chức trực thuộc đảng ủy, bí thư các chi, đảng bộ cơ sở (nếu chưa tham gia ban chấp hành).

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

3. Quy hoạch ban chấp hành, ban thường vụ Đảng ủy Công an tỉnh, Quân sự tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh

3.1. Ban chấp hành

- **Đối tượng 1:** Bí thư các chi, đảng bộ cơ sở (nếu chưa tham gia ban chấp hành).

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

- **Đối tượng 2:** Cấp phó các đơn vị trực thuộc; phó bí thư các chi, đảng bộ cơ sở; ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

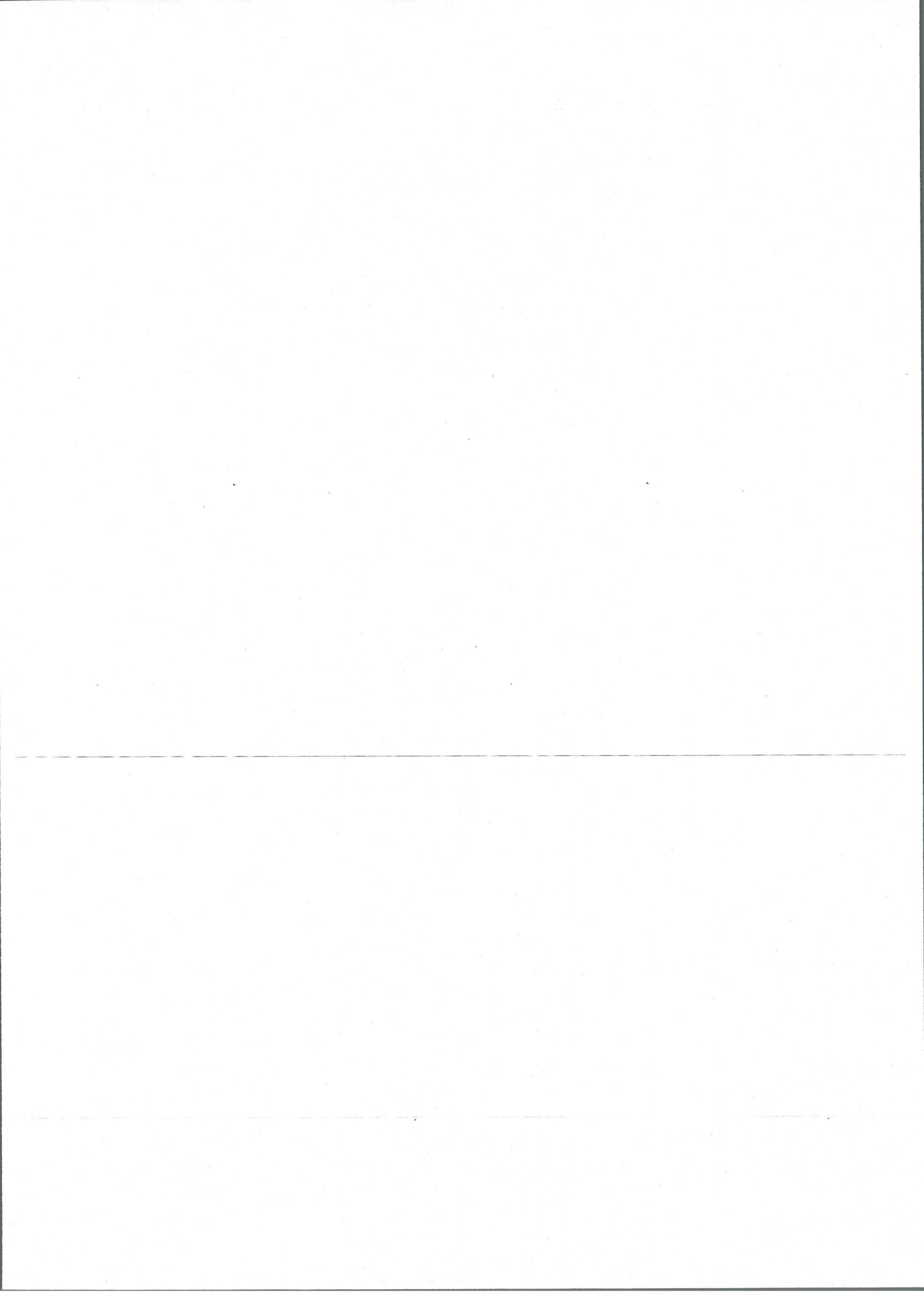
3.2. Ban thường vụ

- **Đối tượng 1:** Ủy viên ban chấp hành.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

- **Đối tượng 2:** Cấp trưởng các đơn vị trực thuộc; bí thư các chi, đảng bộ cơ sở (nếu chưa tham gia ban chấp hành).

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.



PHỤ LỤC 2
XÁC ĐỊNH TUỔI ĐỐI VỚI CÁC CHỨC DANH QUY HOẠCH
(Kèm theo Quy định số 11-QĐ/TU, ngày 28/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)



I- Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp đối với đối tượng 1

1- Chức danh cấp ủy, lãnh đạo các ban, cơ quan của đảng, ủy ban kiểm tra các cấp nhiệm kỳ 2025-2030

Chức danh cấp ủy, lãnh đạo các ban, cơ quan của Đảng, ủy ban kiểm tra các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2025-2030	
	Nam	Nữ
Xã	Sinh từ tháng 4/1968 trở lại đây	Sinh từ tháng 01/1972 trở lại đây
Huyện	Sinh từ tháng 6/1968 trở lại đây	Sinh từ tháng 02/1972 trở lại đây
Tỉnh	Sinh từ tháng 9/1968 trở lại đây	Sinh từ tháng 5/1972 trở lại đây

2- Chức danh lãnh đạo, quản lý cơ quan nhà nước nhiệm kỳ 2026-2031

Chức danh lãnh đạo, quản lý cơ quan nhà nước các cấp (cùng một thời điểm)	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2026-2031	
	Nam	Nữ
	Sinh từ tháng 5/1969 trở lại đây	Sinh từ tháng 9/1972 trở lại đây

3- Chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội (xác định theo thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức nhiệm kỳ hiện tại cộng với 60 tháng)

(1)- Chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc nhiệm kỳ 2029-2034 (cấp xã tháng 3/2029, cấp huyện tháng 5/2029, cấp tỉnh tháng 7/2029).

Chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2029-2034	
	Nam	Nữ
Xã	Sinh từ tháng 3/1972 trở lại đây	Sinh từ tháng 9/1974 trở lại đây
Huyện	Sinh từ tháng 5/1972 trở lại đây	Sinh từ tháng 9/1974 trở lại đây
Tỉnh	Sinh từ tháng 7/1972 trở lại đây	Sinh từ tháng 11/1974 trở lại đây

(2)- Chức danh lãnh đạo Hội Liên hiệp Phụ nữ nhiệm kỳ 2026-2031 (*cấp xã tháng 4/2026, cấp huyện tháng 6/2026, cấp tỉnh tháng 9/2026*).

Chức danh lãnh đạo Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2026-2031
Xã	Sinh từ tháng 9/1972 trở lại đây
Huyện	Sinh từ tháng 10/1972 trở lại đây
Tỉnh	Sinh từ tháng 01/1973 trở lại đây

(3)- Chức danh lãnh đạo Liên đoàn Lao động nhiệm kỳ 2028-2033 (*cấp xã tháng 6/2028, cấp huyện tháng 9/2028, cấp tỉnh tháng 11/2028*).

Chức danh lãnh đạo Liên đoàn Lao động các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2028-2033	
	Nam	Nữ
Xã	Sinh từ tháng 6/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 02/1974 trở lại đây
Huyện	Sinh từ tháng 9/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 5/1974 trở lại đây
Tỉnh	Sinh từ tháng 11/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 7/1974 trở lại đây

(4)- Chức danh lãnh đạo Hội Nông dân nhiệm kỳ 2028-2033 (*cấp xã tháng 5/2028, cấp huyện tháng 6/2028, cấp tỉnh tháng 9/2028*).

Chức danh lãnh đạo Hội Nông dân các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2028-2033	
	Nam	Nữ
Xã	Sinh từ tháng 5/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 01/1974 trở lại đây
Huyện	Sinh từ tháng 6/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 02/1974 trở lại đây
Tỉnh	Sinh từ tháng 9/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 5/1974 trở lại đây

(5)- Chức danh lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2027-2032 (*cấp xã tháng 5/2027, cấp huyện tháng 8/2027, cấp tỉnh tháng 10/2027*). Độ tuổi quy hoạch đối với các chức danh cán bộ Đoàn ở các cấp thực hiện theo Hướng dẫn của Ban Bí thư Trung ương Đoàn.

II- Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp đối với đối tượng 2

Độ tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp đối với đối tượng 2 được xác định: Độ tuổi của đối tượng 1 (của chức danh tương ứng nêu tại Phần I) cộng thêm 5 năm (60 tháng).



PHỤ LỤC 3

DANH MỤC HỒ SƠ NHÂN SỰ

(Kèm theo Quy định số 11-QĐ/TU, ngày 28/03/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Danh mục hồ sơ nhân sự quy hoạch thống nhất khổ giấy A4, phải được kê khai trung thực, chính xác, đầy đủ nội dung nêu tại các mục và phải được cấp có thẩm quyền xác nhận hoặc chứng thực theo quy định và sắp xếp theo thứ tự sau:

1. Tờ trình của địa phương, cơ quan, đơn vị đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch (theo mẫu Mẫu số 3); bảng tổng hợp kết quả kiểm phiếu các bước theo quy trình quy hoạch (theo mẫu Mẫu số 4).

2. Danh sách trích ngang cán bộ dự kiến đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch hoặc rà soát, bổ sung quy hoạch (theo mẫu Mẫu số 1).

3. Sơ yếu lý lịch cán bộ (theo mẫu 2C/TCTW) do cá nhân tự khai và cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ xác nhận; có dán ảnh màu (khổ 4 x 6) đóng dấu giáp lai.

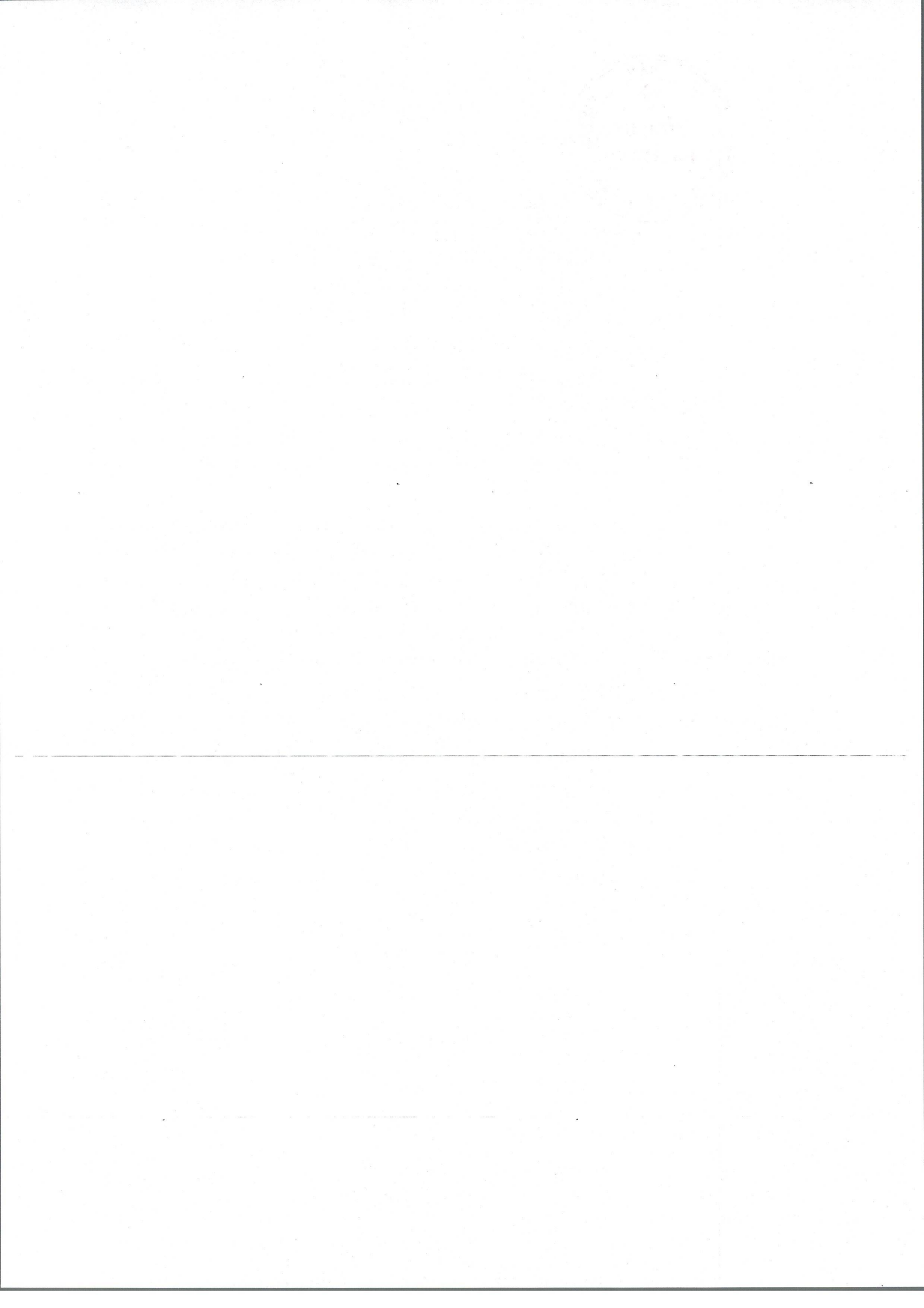
4. Nhận xét, đánh giá của các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ, về: (1) Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ; (2) Năng lực công tác và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; (3) Uy tín và triển vọng phát triển (trong đó nêu rõ kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, tính đến thời điểm đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt quy hoạch).

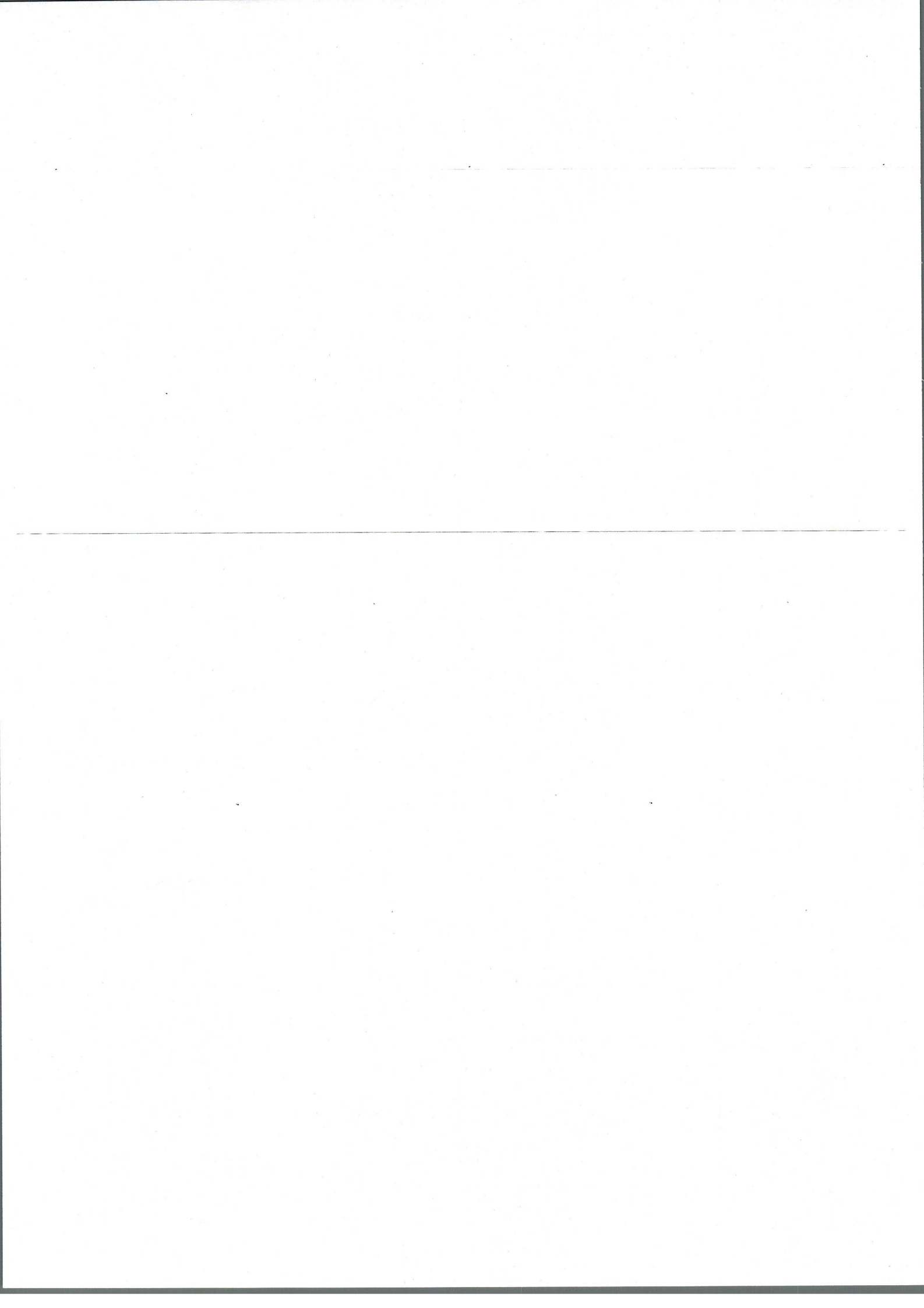
5. Phiếu thẩm định, kết luận về tiêu chuẩn chính trị của cấp có thẩm quyền theo quy định của Bộ Chính trị “Một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng”.

6. Bản kê khai tài sản thu nhập ban hành kèm theo quy định hiện hành.

7. Bản sao có giá trị pháp lý các văn bằng, chứng chỉ về trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, quản lý nhà nước, tin học, ngoại ngữ ... (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền).

* **Lưu ý:** Các tài liệu tại Mục 3, 4, 5, 6 không quá 06 tháng tính đến thời điểm xem xét.





**CẤP ỦY, TỔ CHỨC ĐẢNG
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ...**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*
(đóng dấu)

....., ngày tháng năm 20...

PHIẾU GIỚI THIỆU/BIỂU QUYẾT

**Quy hoạch (điều chỉnh, bổ sung và đưa ra khỏi quy hoạch)
các chức danh lãnh đạo, quản lý ... nhiệm kỳ ...
(tại Hội nghị.....)**

Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện, cơ cấu, số lượng, và phẩm chất đạo đức, năng lực cán bộ; ban thường vụ cấp ủy (tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị) ... đề nghị đồng chí cho biết ý kiến giới thiệu (biểu quyết) nhân sự quy hoạch (rà soát, bổ sung và đưa ra khỏi quy hoạch) các chức danh lãnh đạo, quản lý ... nhiệm kỳ ... và đánh dấu (x) vào ô tương ứng trong danh sách dưới đây:

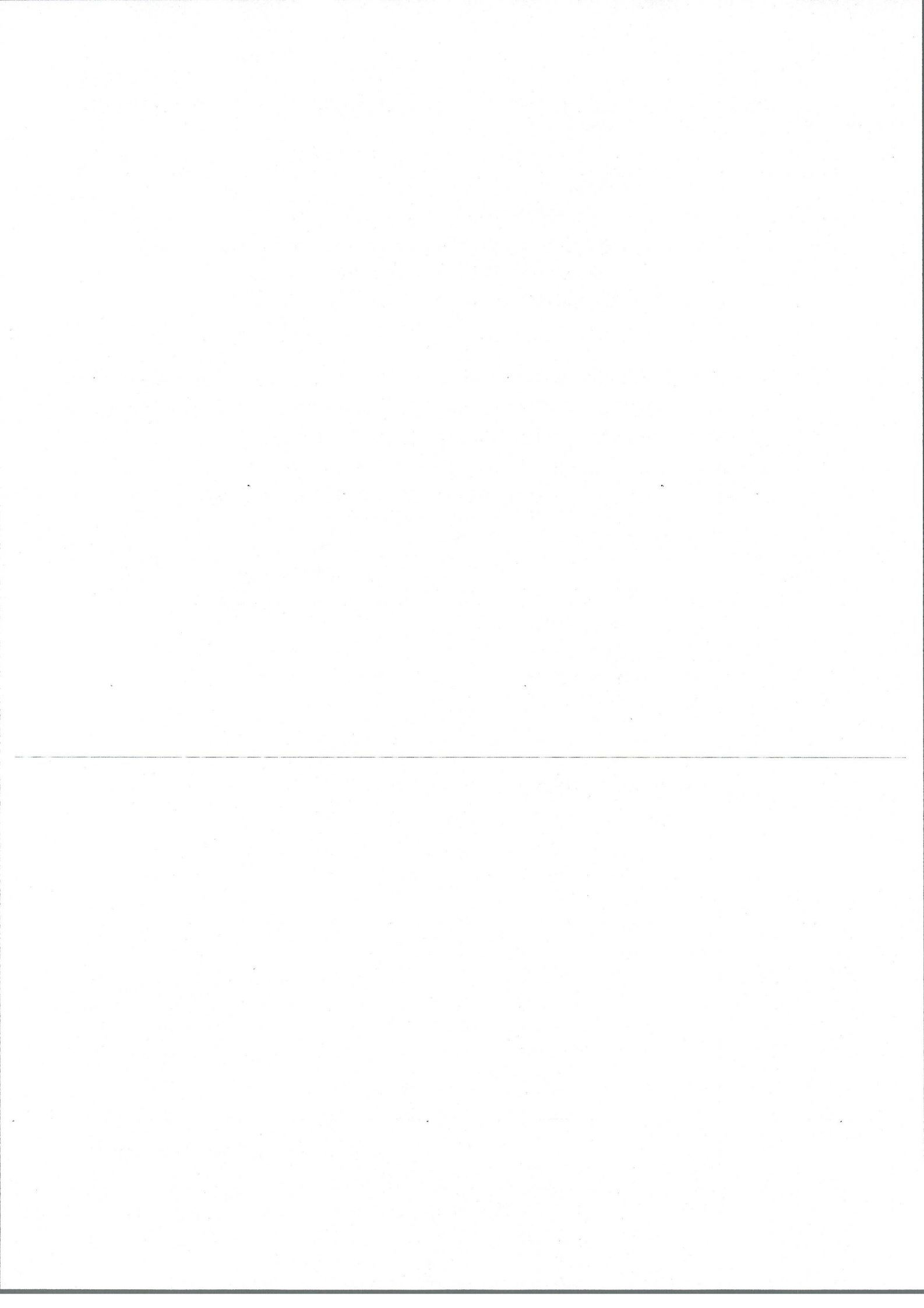
STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay	Đồng ý	Không đồng ý
I	Chức danh Bí thư Huyện ủy				
1	Nguyễn Văn A				
2	...				
II	Chức danh Phó Bí thư Huyện ủy				
1	Bùi Văn B				
2	...				
III	Chức danh				
1	...				

Ý kiến khác (nếu có)

.....

NGƯỜI GIỚI THIỆU

(Có thể ký tên hoặc không ký tên)



CẤP ỦY TỔ CHỨC ĐẢNG,
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ...

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*
Số -TTr/...

....., ngày... tháng ... năm 202...

TỜ TRÌNH

đề nghị phê duyệt quy hoạch (điều chỉnh, bổ sung quy hoạch) các chức danh... quản lý của cơ quan (đơn vị) ... nhiệm kỳ...

Kính gửi: -
-

- Căn cứ Quy định số ...-QĐ/TU, ngày của về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị.....;

- Căn cứ Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ;

- Căn cứ.....;

- Căn cứ kết quả thực hiện quy trình xây dựng quy hoạch (rà soát, bổ sung quy hoạch) các chức danh lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ.....,

Ban thường vụ cấp ủy (... cơ quan, đơn vị) báo cáo, đề nghị (cấp có thẩm quyền).....xem xét, quyết định phê duyệt quy hoạch (điều chỉnh, bổ sung, quy hoạch) các chức danh nhiệm kỳ; cụ thể như sau:

1. Chức danh bí thư, cấp trưởng cơ quan, đơn vị....., gồm..... đồng chí.
2. Chức danh phó bí thư cấp ủy, cấp phó cơ quan, đơn vị, gồm.....đồng chí.
3. Chức danh.....gồm.....đồng chí.
4. Chức danh , gồm.....đồng chí.

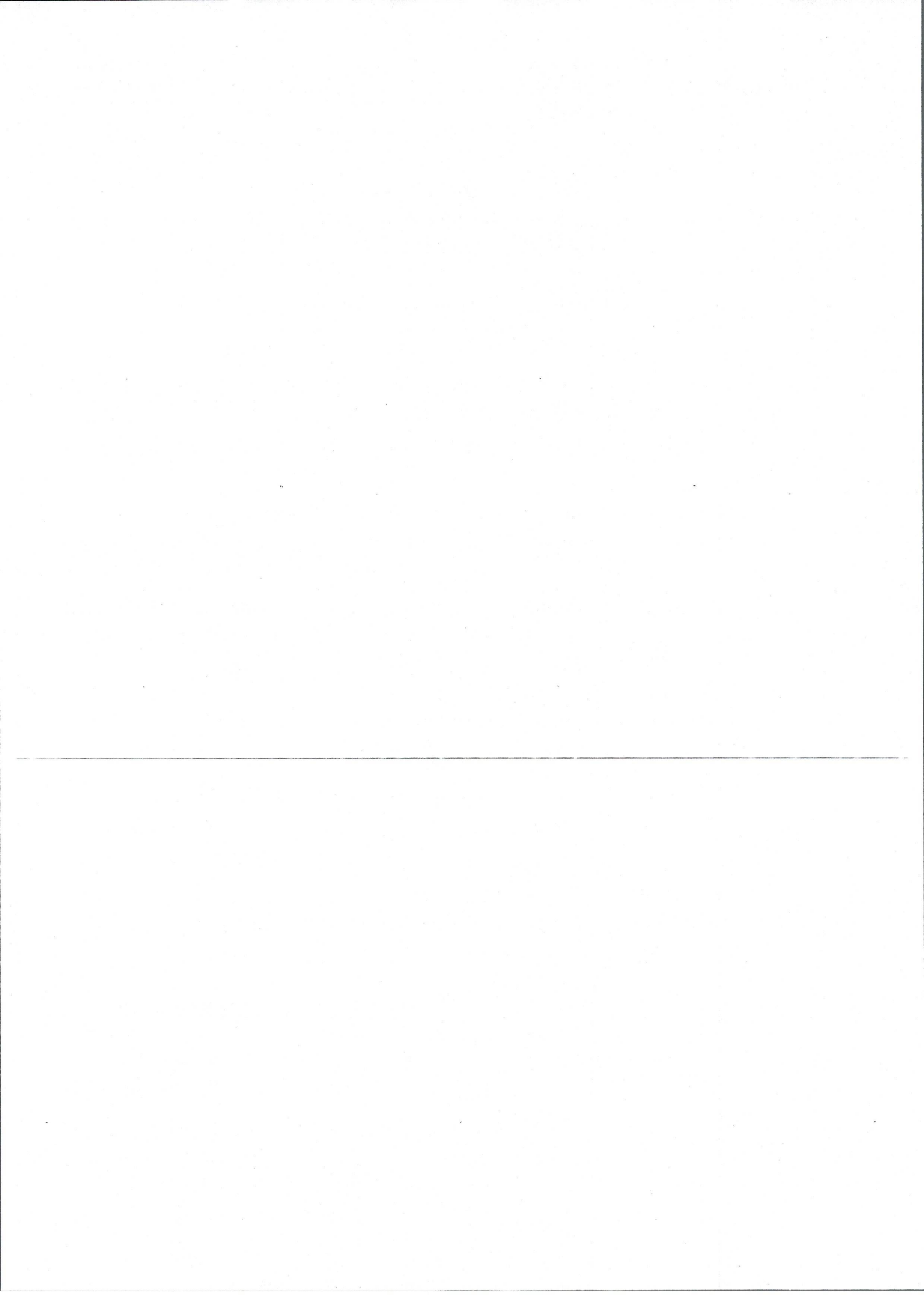
(Có danh sách trích ngang và hồ sơ cán bộ đề nghị phê duyệt quy hoạch (bổ sung quy hoạch) gửi kèm theo).

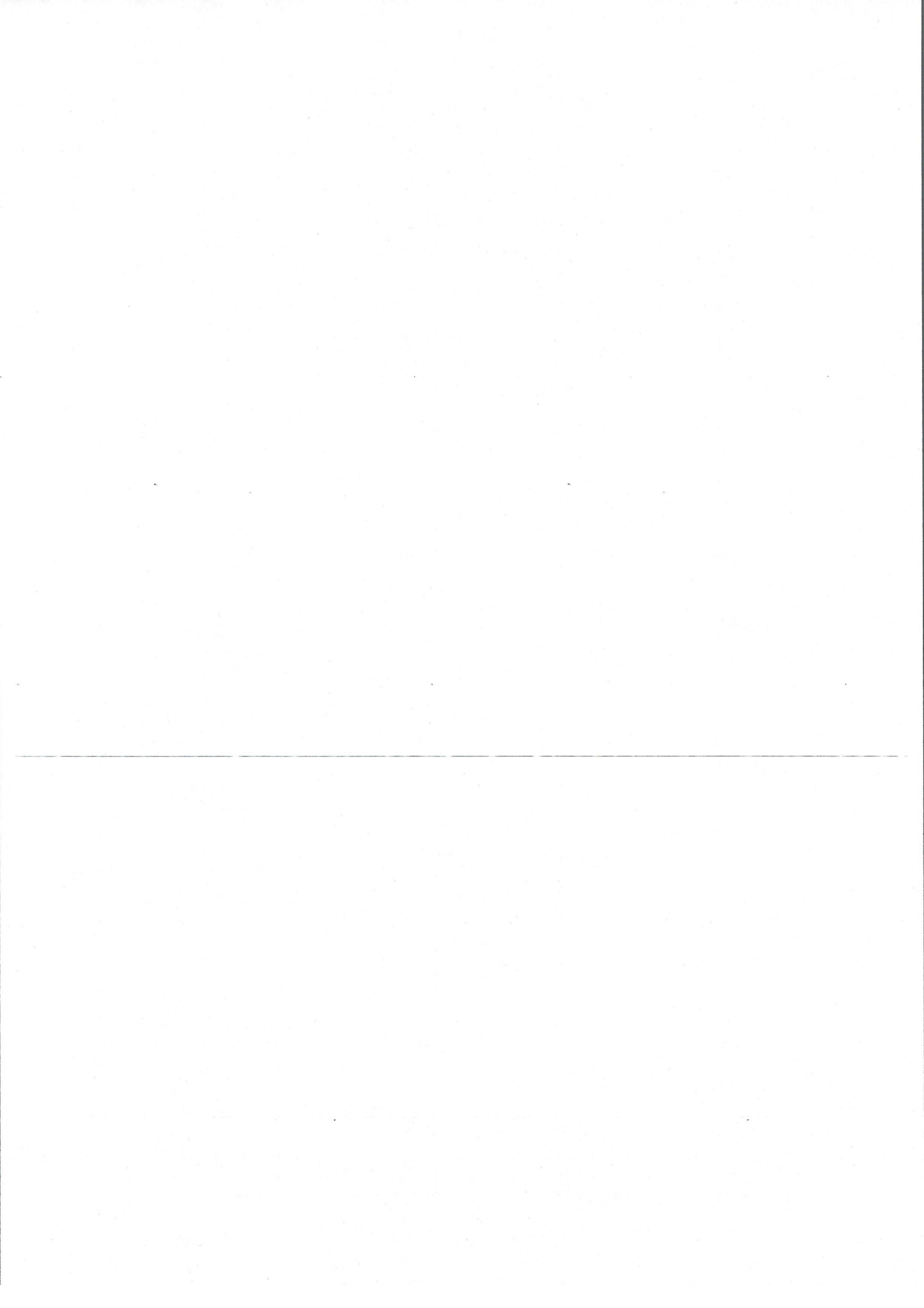
Ban Thường vụ cấp ủy, lãnh đạo cơ quan, đơn vị trình.....(cấp có thẩm quyền) xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
-,
- Lưu cơ quan, đơn vị.

T/M CẤP ỦY, THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)





**CẤP ỦY (TỔ CHỨC ĐẢNG,
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ)...**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*
Số -QĐ/...

....., ngày... tháng ... năm...

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy hoạch (điều chỉnh, bổ sung quy hoạch) các chức danh ...
nhiệm kỳ...**

- Căn cứ Quy định số ...-QĐ/TU, ngày của về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của cấp ủy, tổ chức đảng...;

- Căn cứ Quy định số -QĐ/TU, ngày / /2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ;

- Xét đề nghị của cơ quan (đơn vị)... (Tờ trình số ...-TTr/..., ngày .../.../...),

**BAN THƯỜNG VỤ CẤP ỦY, TỔ CHỨC ĐẢNG ...
QUYẾT ĐỊNH**

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch (điều chỉnh, bổ sung quy hoạch) các chức danh ... nhiệm kỳ ... (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Ban Thường vụ cấp ủy, tổ chức đảng ... có trách nhiệm định kỳ rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ theo đúng quy định hiện hành của Bộ Chính trị, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ; xây dựng kế hoạch và phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển đối với cán bộ trong danh sách quy hoạch.

Điều 3. Ban Tổ chức cấp ủy (phòng Tổ chức cán bộ cơ quan, đơn vị), Ban Thường vụ cấp ủy, tổ chức đảng ... và các đồng chí có tên trong danh sách quy hoạch nêu tại Điều 1 thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

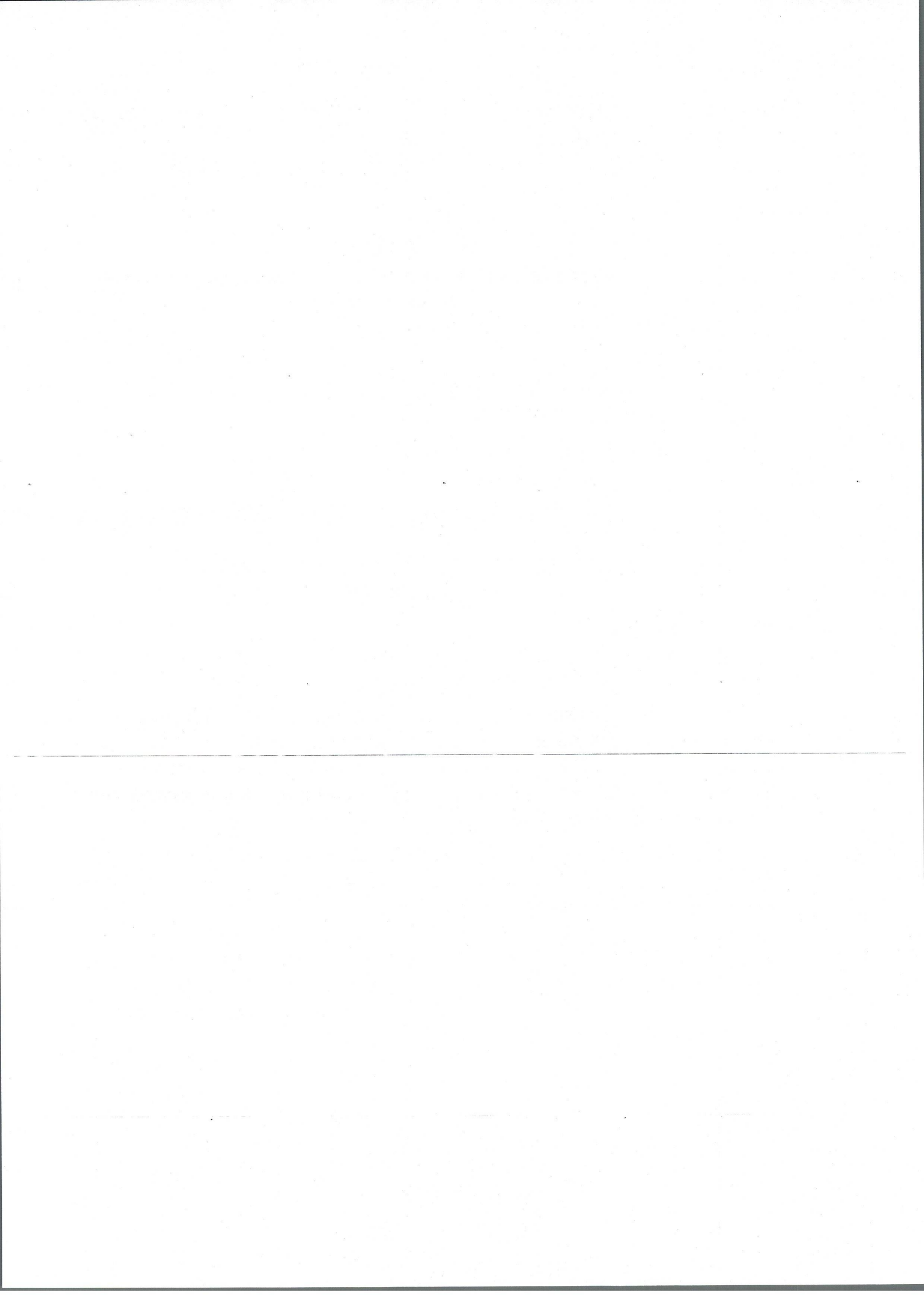
- Như Điều ...,

-...

- Lưu.....

**T/M BAN THƯỜNG VỤ (TỔ CHỨC
ĐẢNG, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ)**

(Ký tên, đóng dấu)



CẤP ỦY (TỔ CHỨC ĐẢNG,
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ)...

Mẫu số 6
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*
Số -BC/...

...,ngày... tháng ... năm.....

BÁO CÁO

**Kết quả xây dựng và rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo,
quản lý cấp huyện, xã nhiệm kỳ**

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

1. Công tác quán triệt triển khai các văn bản của cấp trên về quy hoạch cán bộ.
2. Xây dựng các văn bản tổ chức thực hiện.

II. KẾT QUẢ XÂY DỰNG QUY HOẠCH CÁN BỘ NHIỆM KỲ 2025-2030, 2026-2031

1. Quy hoạch Ban Chấp hành

Tổng số cán bộ đã được phê duyệt quy hoạch:....đồng chí, trong đó:

- Cán bộ trẻ dưới 40 tuổi có....người(...%); Từ 40-50 tuổi có....người (...%); Trên 50 tuổi có.....người (...%); Cán bộ nữ có.....người (...%); Cán bộ người dân tộc thiểu sốngười (...%).

- Về trình độ chuyên môn: Đại học....người (...%); Trên đại học....người (...%). Trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp...người (...%); Trung cấp....người (...%)..

2. Quy hoạch Ban Thường vụ....: Phân tích các nội dung như mục 1.

3. Quy hoạch các chức danh lãnh đạo ...: Phân tích các nội dung như mục 1, đối với từng chức danh.

III. KẾT QUẢ RÀ SOÁT, BỔ SUNG QUY HOẠCH CÁN BỘ NHIỆM KỲ 2020-2025, 2021-2026

1. Quy hoạch Ban Chấp hành

- Tổng số cán bộ còn trong danh sách quy hoạch được phê duyệt trước khi rà soát.....đồng chí, bằng..... lần cấp ủy đương nhiệm.

- Rà soát đưa ra khỏi quy hoạch: đồng chí (nêu rõ lý do...).

- Giữ nguyên quy hoạch: đồng chí.

- Bổ sung quy hoạch: đồng chí, trong đó:

Đại học....người (...%); Trên đại học....người (...%). Cử nhân, cao cấp...người (...%). Cán bộ trẻ dưới 40 tuổi có....người(...%); Từ 40-50 tuổi có....người (...%); Trên 50 tuổi có.....người (...%); Cán bộ nữ có.....người (...%); Cán bộ người dân tộc thiểu sốngười (...%).

2. Quy hoạch Ban Thường vụ.....: Phân tích các nội dung như mục 1.

3. Quy hoạch các chức danh lãnh đạo.....: Phân tích các nội dung như mục 1 đối với từng chức danh.

(Có biểu phụ lục số 10 kèm theo)

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

2. Hạn chế, khuyết điểm, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

2.1. Hạn chế, khuyết điểm, những khó khăn, vướng mắc

2.2. Nguyên nhân

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Lưu ý: Các đơn vị căn cứ vào năm đề nghị phê duyệt xây dựng hoặc rà soát, bổ sung quy hoạch để báo cáo theo nội dung mục II hoặc III và thống kê số liệu theo các mẫu biểu tương ứng gửi kèm.

Nơi nhận:

- Cấp trên trực tiếp.

-...

- Lưu.....

**T/M BAN THƯỜNG VỤ (TỔ CHỨC
ĐẢNG, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ)**

(Ký tên, đóng dấu)

